TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 187/2024/HC-PT
Ngày 18 - 3 - 2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 883/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2023 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Tào Phương Đức N;

Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Văn H (xin xử vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Thái V (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/9/2023).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc T - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023), (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hiền C - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Địa chỉ: Khu V Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn T1 - Chức vụ: Chủ tịch;

Địa chỉ: Số B, đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Mạnh P - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H (có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường X, Phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Tào Phương Đ Nghĩa là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của người khởi kiện trình bày:

Năm 2021, Bộ C1 phê duyệt chủ trương xây dựng Cơ sở làm việc Công an thị xã L, ông Tào Phương Đức N bị ảnh hưởng 513,6m^2 đất trồng lúa. Ngày 16/12/2022, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã L ban hành Quyết định số: 4190/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông N để thực hiện dự án. Cùng ngày, UBND thị xã L ra Quyết định số: 4191/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H. Theo đó, ông N được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 1.333.113.700 đồng (Bồi thường về đất là 1.282.459.200 đồng; Bồi thường về cây trồng là 12.134.500 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề là 38.520.000 đồng).

Ngày 31/3/2023, Chủ tịch UBND thị xã L ban hành Quyết định số: 811/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông N, nhưng không giao cho ông N, đến ngày 24/4/2023 thì tiến hành cưỡng chế.

Theo ông N, các quyết định trên của Chủ tịch UBND thị xã L và UBND thị xã L không đúng quy định như sau:

Thứ nhất, ông N cho rằng Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ban hành ngày 16/12/2022 nhưng triển khai cho người dân ngày 10/3/2023 là vi phạm trình tự, thủ tục (theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013).

Thứ hai, về giá đất UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số: 1326/QĐ-UBND là quá thấp so với giá thị trường. Ông N thu thập 03 hợp đồng chuyển nhượng đối với các thửa đất liền kề chuyển nhượng trong năm 2021, năm 2022 lần lượt là 8.742.214 đồng/m^2; 12.958.963 đồng/m^2; 5.006.055 đồng/m^2.

Thứ ba, về chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, UBND thị xã L áp dụng theo giá đất là 75.000 đồng/m^2, nhưng theo ông Nghĩa l không đúng quy định, ông N cho rằng vị trí và loại đất của ông bị thu hồi thì giá đất theo bảng giá đất là 204.000 đồng/m^2.

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì khi thu hồi đất nông nghiệp diện tích từ 30% trở lên sẽ được hỗ trợ ổn định đời sống. Ông N bị thu hồi 513,6m^2 (gần 50% diện tích đất nông nghiệp). Ông N cho rằng không hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình ông là chưa đúng quy định.

Từ các lý lẽ trên, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L, phần liên quan đến ông Tào Phương Đức N; Hủy Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L về cưỡng chế thu hồi đất của ông Tào Phương Đức N; Yêu cầu UBND thị xã L phê duyệt lại phương án bồi thường theo đúng giá thị trường, bồi thường, hỗ trợ đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản số 3040/UBND người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang và UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang có ý kiến trình bày:

Ngày 18/8/2021, UBND thị xã L ban hành Quyết định số: 2379/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H và Thông báo thu hồi đất số 165/QĐ-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đối với ông Tào Phương Đức N với nội dung thu hồi thửa đất số 165, tờ bản đồ số 41, diện tích khoảng 444m^2, loại đất: LUC. (đã được điều chỉnh tại Thông báo số 807/TB-UBND ngày 06/12/2022 của UBND thị xã L). Thông báo thu hồi đất này được triển khai đến ông N vào ngày 08/10/2021 tại trụ sở Khu vực 6, phường T và được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND phường T và trụ sở khu vực 6, phường T.

Ngày 22/7/2022, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số: 1326/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H (Quyết định số: 1326/QĐ-UBND). Ngày 07/10/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất tiến hành kiểm đếm đối với ông N, ông N đồng ý cho kiểm đếm nhưng không ký hồ sơ. Từ ngày 23/11/2022 đến ngày 12/12/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất tiến hành niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư dự án và tổ chức lấy ý kiến đóng góp. Ông N không thống nhất với phương án dự kiến, không đồng ý quy hoạch dự án, không thống nhất với giá bồi thường về đất.

Ngày 16/12/2022, UBND thị xã L ban hành Quyết định số: 4190/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H (Quyết định số: 4190/QĐ-UBND) đối với ông N.

Cùng ngày, UBND thị xã L ban hành Quyết định số: 4191/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H (Quyết định số: 4191/QĐ-UBND) đối với ông N với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là 1.333.113.700 đồng.

Ngày 26/12/2022, Phòng T chuyển Quyết định số: 4190/QĐ-UBND đến UBND phường T để tiến hành triển khai đến hộ. Ngày 29/12/2022, UBND phường T có giấy mời số 139/GM-UBND gửi đến ông N. Tại đây hộ ông N không nhận giấy mời. Ngày 03/01/2023, UBND phường T tiến hành triển khai Quyết định số: 4190/QĐ-UBND đến ông N, ông N vắng mặt. Do đó, cùng ngày UBND phường T đã tiến hành lập Biên bản vắng mặt và tiến hành niêm yết Quyết định tại Trụ sở UBND phường T và tại Trụ sở Khu vực 6.

Ngày 10/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp UBND phường T, UBMTTQ phường T tiến hành triển khai, phổ biến Quyết định số: 4191/QĐ-UBND đến ông N và niêm yết công khai tại Trụ sở UBND phường T và Trụ sở khu vực 6, phường T.

Ngày 13/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã L có Thông báo về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thời gian bàn giao mặt bằng dự án. Ông N không thống nhất nhận thông báo.

Ngày 15/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tiếp nhận bàn giao mặt bằng đối với các hộ có đất bị ảnh hưởng (lần 1), ông N vắng mặt.

Ngày 16/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã có Thông báo về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thời gian bàn giao mặt bằng dự án (lần 2). Bưu điện đã phát thông báo 03 lần nhưng hộ vắng nhà.

Ngày 20/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tiếp nhận bàn giao mặt bằng đối với các hộ có đất bị ảnh hưởng (lần 2), ông N vắng mặt.

Ngày 24/3/2023, UBND phường T tổ chức vận động, thuyết phục đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án thì ông N vắng mặt.

Ngày 28/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã L gửi hồ sơ kèm theo Công văn số 61/TTPTQĐ ngày 24/3/2023 về việc đề nghị tham mưu UBND thị xã L ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với các hộ dân thuộc dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H, gồm có: ông Tào Phương Đức N, ông Tào Quốc S, ông (bà) Phạm Công N1, hộ

Phạm Văn M, bà Phạm Thị M1, bà Phạm Thị T2 trực tiếp quản lý, sử dụng đất của hộ Đinh Quang T3.

Ngày 29/3/2023, UBND thị xã L cùng với các ngành chức năng có liên quan tiếp tục vận động, thuyết phục đối với ông N nhận tiền và bàn giao mặt bằng theo quy định.

Ngày 31/3/2023, Chủ tịch UBND thị xã L ban hành Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L về việc cưỡng chế thu hồi đất (Quyết định số: 811/QĐ-UBND) đối với ông Tào Phương Đức N. Ngày 05/4/2023, UBND phường T tiến hành công bố và trao Quyết định số: 811/QĐ-UBND đến ông N, niêm yết công khai Quyết định tại Trụ sở UBND phường T và Trụ sở Nhà văn hóa khu vực 6.

Từ những căn cứ trên, UBND thị xã L có ý kiến: Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số: 4190/QĐ-UBND là đảm bảo đúng quy định theo Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4; Về giá đất bồi thường tại Quyết định số: 4191/QĐ-UBND là đúng, đủ theo Quyết định số: 1326/QĐ-UBND; Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số: 811/QĐ-UBND là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 69, Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4.

Theo văn bản số 1384/UBND-TCD, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh H có ý kiến trình bày:

Đối với việc ban hành Quyết định số: 1326/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H. Căn cứ Điều 114 và Điều 115 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T4 về quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất và Công văn số 1766/UBND-KT ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc tăng cường công tác phối hợp xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thì UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể đối với dự án nêu trên là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tào Phương Đức N về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L, phần liên quan đến ông Tào Phương Đức N và Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L về cưỡng chế thu hồi đất của ông Tào Phương Đức N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2023 ông Tào Phương Đ Nghĩa là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V đại diện theo ủy quyền của ông Tào Phương Đức N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông V đại diện theo ủy quyền của ông Tào Phương Đức N trình bày: Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thị xã L chưa xem xét bồi thường theo đúng giá đất thị trường, xâm phạm quyền lợi của người sử dụng đất, áp giá tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm sai quy định, người khởi kiện chưa được hỗ trợ ổn định đời sống nhưng đã bị cưỡng chế thu hồi đất, trình tự thủ tục ban hành quyết định vi phạm thời hạn triển khai, khoản tiền hỗ trợ khác và tiền hỗ trợ ổn định đời sống là hai khoản riêng không thể nhập vào một. Văn bản của UBND tỉnh H trái với Nghị định của chính phủ phải kiến nghị hủy bỏ. UBND có hỗ trợ tiền chậm trả nhưng chính sách chưa nhận đầy đủ, phải nâng số lần hỗ trợ lên. Công ty T5 tư vấn giá cho UBND tỉnh H là không hợp lý vì Cơ quan hành chính là khách hàng của Công ty và UBND tỉnh H cấp phép cho Công ty hoạt động. Việc thu hồi đất không có giám sát, người dân không tham gia vào quá trình thẩm định giá đất do đó căn cứ vào giá đất của Công ty T5 chưa xác đáng. Phần hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm trong bảng giá đất nhưng giá chỉ 75.000 đồng là quá thiệt thòi cho người dân. Ông N chưa được hỗ trợ ổn định đời sống. Quyết định của UBND tỉnh ban hành trái quy định, áp giá bồi thường sai vị trí làm người dân bị thiệt hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện (UBND tỉnh H) trình bày: Mức hỗ trợ ổn định đời sống UBND tỉnh ban hành đúng theo Điều 20 quy định từ 01-5 lần. UBND tỉnh căn cứ vào tình hình địa phương ban hành cho phù hợp, điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh, chỉ tính 01 lần so với giá đất, lấy ý kiến nhân dân tỉnh. Hỗ trợ theo vị trí, hỗ trợ chuyển đổi nghề theo đúng quy định của Chính phủ. Từng dự án cụ thể có giá cụ thể, giá đất cụ thể tại dự án Công ty Thẩm định giá thực hiện đúng quy định, có hồ sơ thu thập đầy đủ, phiếu điều tra đầy đủ. Quá trình thực hiện phương án bồi thường có người dân tham gia, chỉnh sửa bổ sung hoàn chỉnh. Ông N chưa đồng ý quyết định thì vẫn phải có trách nhiệm thực hiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện (UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang) trình bày: Hỗ trợ ổn định đời sống, UBND thị xã áp dụng cho 03 nhân khẩu, 01 nhân khẩu là 130.000 đồng/tháng x 6 tháng, đã hỗ trợ đầy đủ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Tào Phương Đức N

Ông N kháng cáo về giá, về bồi thường hỗ trợ khác. Ông N cho rằng không đúng quy định của Chính phủ và phù hợp với giá của địa phương nhưng ông N không cung cấp chứng cứ gì mới. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND đã giải thích trường hợp áp giá của ông N, đã xem xét bồi thường đúng quy định, không có điều kiện bồi thường hỗ trợ thêm. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét trình tự thủ tục, nội dung, UBND ban hành Quyết định cưỡng chế đúng quy định pháp luật và từ đó Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nghĩa l có căn cứ. Ông N kháng cáo không có tình tiết tài liệu gì mới để thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ông Tào Phương Đức N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Hủy một phần Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L, phần liên quan đến ông Tào Phương Đức N; Hủy Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L về cưỡng chế thu hồi đất của ông Tào Phương Đức N; Yêu cầu UBND thị xã L phê duyệt lại phương án bồi thường theo đúng giá thị trường, bồi thường, hỗ trợ đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Tào Phương Đức N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định: Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L đúng thẩm quyền, thủ tục tại khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật Đất đai; điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Thực hiện Quyết định số: 1705/QĐ-BCA-H01 ngày 19/3/2021 của Bộ C1 về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H. Ngày 13/4/2021, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số: 700/QĐ-UBND về việc cập nhật công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Trong đó, có cơ sở

làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H (địa điểm thực hiện tại phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang), căn cứ vào Tờ trình số: 58/TTr-UBND ngày 30/3/2021 của UBND thị xã L về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã L.

[2.2.2] Căn cứ chủ trương đầu tư và kế hoạch sử dụng đất, ngày 16/12/2022, UBND thị xã L ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Qua đó, thu hồi diện tích 513,6m^2 thửa số 165, tờ bản đồ số 41, loại đất Lúa của ông Tào Phương Đức N để thực hiện dự án xây dựng Cơ sở làm việc của Công an thị xã L, căn cứ quy định tại Điều 61, Điều 63 Luật Đất đai về thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh,… là đúng quy định.

[2.2.3] Ngày 07/10/2022, UBND thị xã L tiến hành kiểm đếm về đất và tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng dự án, nhưng ông N không hợp tác, đồng ý cho kiểm đếm nhưng không ký tên vào biên bản kiểm đếm, quá trình thực hiện dự án Ủy ban thị xã L đã động viên ông N bàn giao mặt bằng, nhưng ông không đồng ý, lý do ông yêu cầu nâng giá bồi thường đất cho ông theo giá đất thị trường, căn cứ Quyết định số: 1326/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 thì UBND tỉnh H phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L thuộc Công an tỉnh H, trên cơ sở khảo sát giá và chứng thư thẩm định giá tại thời điểm thu hồi và vị trí đất của ông N bị thu hồi là đúng theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; và Điều 114 Luật Đất đai.

[2.2.4] Quá trình giải quyết vụ án, phía người khởi kiện cung cấp cho Tòa án 03 hợp đồng chuyển nhượng đất vào thời điểm năm 2022 tại khu vực phường T. Tuy nhiên, mục đích sử dụng đều là chuyển nhượng đất trồng cây lâu năm, không phải đất Lúa, tại phiên tòa, người khởi kiện không cung cấp được chứng cứ nào khác xác định giá đất, nên không có căn cứ phê duyệt lại phương án bồi thường theo yêu cầu của ông N.

[2.2.5] Đối với việc bồi thường, hỗ trợ đủ các chính sách áp dụng đối với người có đất nông nghiệp bị thu hồi, UBND thị xã L đã hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 4 Điều 1 Quyết định số: 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 sửa đổi khoản 1 Điều 19 Quyết định số: 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh H, việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại thuộc vị trí còn lại là đúng quy định.

Bồi thường cây trồng, bồi thường cây trồng bổ sung và bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống cho 03 nhân khẩu trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp theo Quyết định số: 2593/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 do ông N đứng tên chủ sử dụng đất bị ảnh hưởng dự án là đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 83 Luật Đất đai và Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ngoài ra, UBND thị xã L còn phê duyệt kinh phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số: 2533/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai là đúng quy định.

Do vậy, kháng cáo của ông N yêu cầu về việc hủy một phần Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thị xã L (phần liên quan đến ông Tào Phương Đức N) không có căn cứ.

[2.2.6] Quá trình thu hồi đất, ông N không đồng ý cho thu hồi đất, không giao đất, UBND thị xã L đã vận động, thuyết phục để ông N nhận tiền bồi thường, cụ thể là các Biên bản vận động, thuyết phục ông Tào Phương Đức N có đất bị ảnh hưởng công trình (BL 389-390; BL 395-399), đồng thời niêm yết công khai Thông báo về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với ông Tào Phương Đức N (BL 393-394) để ông N bàn giao mặt bằng, nhưng ông N cố tình gây khó khăn cho việc giải phóng mặt bằng, căn cứ trình tự, thủ tục thì Chủ tịch UBND thị xã L ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền và đúng quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do vậy, yêu cầu của ông Tào Phương Đức N yêu cầu hủy Quyết định 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông N kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông N chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tào Phương Đức N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tào Phương Đức N về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 4191/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã L, phần liên quan đến ông Tào Phương Đức N và Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã L về cưỡng chế thu hồi đất của ông Tào Phương Đức N.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Tào Phương Đức N phải chịu 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0000484 ngày 30/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tào Phương Đức N phải chịu 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số PT2024/017 ngày 04/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu (An - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương